

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SXD-KTXD

Bắc Kạn, ngày tháng 3 năm 2022

V/v góp ý Dự thảo Quyết định quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành trong tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Ban QLDA Đầu tư xây dựng tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông tỉnh;
- Ban QLDA ĐTXD công trình NN&PTNT tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, theo đó, Sở Xây dựng được giao xây dựng dự thảo Quyết định quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nay, Sở Xây dựng đã Dự thảo xong Quyết định quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Để đảm bảo quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Xây dựng đề nghị các đơn vị tham gia ý kiến bằng văn bản vào dự thảo của Quyết định nêu trên. Ý kiến góp ý của các đơn vị gửi về Sở Xây dựng trước ngày **12/4/2022** để tổng hợp theo quy định; Đề nghị Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh đăng tải trên Cổng TTĐT tỉnh trong thời gian 30 ngày để lấy ý kiến đóng góp rộng rãi của quần chúng nhân dân, địa chỉ góp ý kiến bản điện tử gửi về địa chỉ mail: lannt.sxd@backan.gov.vn.

(có bản Dự thảo Quyết định kèm theo).

Sở Xây dựng đề nghị các đơn vị quan tâm, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;

Gửi bản giấy:

- Lưu: VT, KTXD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Thị Thúy

Số: /2022/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2022

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**QUY ĐỊNH MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 04 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày
22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn hợp đồng thi công xây dựng công trình;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu
tư xây dựng;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày và thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Bắc Kạn quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- VP Chính phủ (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn ĐBQH Đơn vị tỉnh BK (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Công báo, Cổng thông tin ĐT tỉnh BK;
- Báo Bắc Kạn, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN-XDCB.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN *(Ban hành kèm theo Quyết định số:/2022/QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Khuyến khích các dự án sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng theo quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người quyết định đầu tư, chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án, các tổ chức, cá nhân liên quan đến việc lập, quản lý chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (dự án PPP) trên địa bàn tỉnh quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số: 10/2021/NĐ-CP), Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số: 37/2015/NĐ-CP), Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định số 50/2021/NĐ-CP) và các văn bản hướng dẫn thực hiện của các Bộ, Ngành có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 3. Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng

1. Nội dung sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng; phương pháp xác định sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng

2. Thẩm định tổng mức đầu tư là một nội dung của thẩm định dự án đầu tư xây dựng. Cơ quan thẩm định dự án đầu tư xây dựng theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện thẩm định tổng mức đầu tư.

3. Tổng mức đầu tư của dự án chỉ được điều chỉnh đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 61 Luật Xây dựng. Phần giá trị tổng mức đầu tư điều chỉnh phải được cơ quan thẩm định tổng mức đầu tư của dự án thẩm định làm cơ sở cho việc phê duyệt tổng mức đầu tư điều chỉnh.

Trong trường hợp chỉ điều chỉnh cơ cấu các khoản mục chi phí gồm cả chi phí dự phòng nhưng không làm thay đổi giá trị tổng mức đầu tư xây dựng đã phê duyệt thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư, tự tổ chức điều chỉnh, phê duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung, giá trị điều chỉnh của mình.

Điều 4. Dự toán xây dựng công trình và dự toán gói thầu

1. Dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu; phương pháp xác định dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng

2. Dự toán xây dựng công trình được thẩm định và phê duyệt cùng với thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán xây dựng thực hiện theo quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và dự toán xây dựng công trình điều chỉnh .

3. Dự toán xây dựng công trình điều chỉnh và dự toán gói thầu xây dựng không vượt dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt bao gồm cả chi phí dự phòng thì chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt và chịu trách nhiệm về nội dung, giá trị điều chỉnh của mình. Trong trường hợp vượt dự toán xây dựng công trình đã phê duyệt, thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

4. Dự toán xây dựng công trình được phê duyệt là cơ sở để xác định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và đàm phán, ký kết hợp đồng xây dựng trong trường hợp chỉ định thầu. Chủ đầu tư tổ chức xác định, cập nhật dự toán gói thầu xây dựng, thực hiện thẩm định, phê duyệt để làm cơ sở giá gói thầu xây dựng ghi trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã phê duyệt làm cơ sở để lập hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu và đánh giá lựa chọn nhà thầu xây dựng.

Điều 5. Định mức xây dựng

1. Định mức xây dựng gồm định mức kinh tế - kỹ thuật và định mức chi phí.

2. Định mức xây dựng là cơ sở để lập đơn giá xây dựng công trình, giá tổng hợp và dự toán xây dựng. Định mức xây dựng được áp dụng theo hệ thống định mức công bố của Bộ Xây dựng, của các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và của Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có sự thống nhất của Bộ Xây dựng.

3. Đối với những công tác xây dựng chưa có trong hệ thống định mức dự toán xây dựng đã được công bố hoặc đã có nhưng không phù hợp với điều kiện thực tế thi công hoặc yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công công trình thì chủ đầu

tư (hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực và kinh nghiệm) tổ chức xác định các định mức dự toán xây dựng mới, định mức dự toán xây dựng điều chỉnh theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng hoặc vận dụng định mức tương tự ở công trình khác đã được phê duyệt. Trước khi áp dụng định mức trên, chủ đầu tư phải gửi hồ sơ về Sở Xây dựng để thống nhất trước khi trình người quyết định đầu tư quyết định.

4. Nhà thầu tư vấn lập dự toán xây dựng theo thiết kế của công trình có trách nhiệm đề xuất định mức dự toán xây dựng cho công tác xây dựng mới hoặc định mức cần phải điều chỉnh bổ sung để lập dự toán và đảm bảo tính đầy đủ về hồ sơ tài liệu báo cáo chủ đầu tư.

Điều 6. Giá xây dựng công trình

1. Giá xây dựng công trình là cơ sở để lập tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình, dự toán gói thầu xây dựng.

2. Giá xây dựng công trình được lập theo đơn giá xây dựng công trình. Đơn giá xây dựng công trình được lập từ định mức kinh tế kỹ thuật nêu ở Điều 5 Quy định này và giá vật liệu xây dựng đến chân công trình, giá nhân công xây dựng, giá ca máy, giá thiết bị thi công và các chi phí khác có liên quan, phù hợp với mặt bằng giá thị trường nơi xây dựng công trình.

3. Hệ thống đơn giá xây dựng công trình bao gồm: Bộ Đơn giá xây dựng công trình - Phần xây dựng, phần lắp đặt hệ thống kỹ thuật của công trình, phần lắp đặt máy và thiết bị công nghệ, phần khảo sát xây dựng công trình, phần sửa chữa và bảo dưỡng công trình, phần thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; giá vật liệu xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng do cấp có thẩm quyền công bố áp dụng thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 7. Giá vật liệu xây dựng, nhân công, máy thi công

1. Quản lý công bố giá vật liệu xây dựng

a) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính công bố giá vật liệu tại cơ sở sản xuất, khai thác, cửa hàng, đại lý, cơ sở cung ứng vật liệu tại trung tâm các huyện, thành phố để các tổ chức, cá nhân sử dụng, tham khảo trong việc xác định giá xây dựng công trình. Thời điểm công bố giá vật liệu xây dựng hàng quý là trước ngày 10 tháng đầu quý sau. Tùy theo mức độ biến động của thị trường hoặc theo đề nghị của chủ đầu tư, liên Sở: Xây dựng - Tài chính sẽ công bố bổ sung.

Đối với các công trình xây dựng ngoài khu vực trung tâm các huyện, thành phố hoặc các công trình có điều kiện địa hình, loại hình vận chuyển khác với quy định trong công bố giá liên Sở thì chủ đầu tư phải tổ chức xác định cự ly vận chuyển vật liệu, khảo sát nguồn cung cấp vật liệu, phương tiện vận chuyển, thu thập giá cước vận chuyển của các doanh nghiệp hoặc áp dụng, vận dụng tính cước vận chuyển theo Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hoặc theo bảng phân loại đường, giá cước vận chuyển do cấp có thẩm quyền ban hành để lập phương án so sánh giá vật liệu đến hiện trường xây lắp đảm bảo chính xác, tiết kiệm, hiệu quả. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư có thể

lập hồ sơ giá vật liệu đến hiện trường công trình gửi Sở Xây dựng xem xét, công bố làm cơ sở tham khảo, sử dụng.

b) Giá vật liệu đến hiện trường xây lắp được xác định theo phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình. Khi xác định giá vật liệu sử dụng cho công trình xây dựng cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, yêu cầu thiết kế và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý và xác định giá vật liệu phù hợp giá thị trường, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

c) Vật liệu sử dụng vào công trình phải tuân thủ các yêu cầu về quản lý tiêu chuẩn, qui chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm hàng hóa, có xuất xứ, nhãn hiệu rõ ràng theo qui định của pháp luật; ưu tiên sử dụng sản phẩm có qui cách, thông số kỹ thuật và chất lượng tương đương với sản phẩm nhập ngoại do các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và trong nước sản xuất.

d) Đối với các vật liệu xây dựng không có trong công bố hoặc đã có nhưng chưa phù hợp với điều kiện cụ thể nơi xây dựng công trình thì căn cứ vào mặt bằng giá thị trường, hóa đơn, chứng từ hợp lệ, báo giá của nhà sản xuất hoặc nhà cung ứng vật liệu để lựa chọn mức giá phù hợp nhất, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng vật liệu của công trình về tiến độ, khối lượng cung cấp, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật của vật liệu.

đ) Đối với các loại vật tư, thiết bị đặc thù; vật tư thiết bị chuyên ngành thuộc dự án nhưng không phải vật tư thiết bị xây dựng công trình, chủ đầu tư căn cứ vào giá thị trường, báo giá của nhà sản xuất, nhà cung ứng, thông tin giá cả thị trường, giá đã áp dụng cho công trình khác có cùng tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật và chất lượng tương tự hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm thẩm định giá làm cơ sở trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi áp dụng.

e) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về quyết định áp dụng, sử dụng giá vật liệu theo nguyên tắc tại Điểm a, b, c, d, và đ của Khoản này, theo các quy định hiện hành để làm cơ sở cho việc xác lập dự toán xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư.

2. Quản lý, công bố đơn giá nhân công xây dựng

Đơn giá nhân công xây dựng công trình được xác định quản lý, theo khoản 4, Điều 8 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện hoặc thuê tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện khảo sát, thu thập thông tin, tham khảo khung đơn giá nhân công xây dựng do Bộ Xây dựng công bố để xác định đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh. Thời điểm công bố đơn giá nhân công xây dựng theo năm, trước ngày 15 tháng một năm sau. Kinh phí cho việc khảo sát, tính toán công bố đơn giá nhân công được bố trí từ nguồn ngân sách.

3. Quản lý, công bố đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng

Giá ca máy và thiết bị thi công được xác định quản lý theo Khoản 5, Điều 8, Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng

Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện hoặc thuê tư vấn có đủ điều kiện năng lực thực hiện khảo sát, thu thập thông tin, tham khảo nguyên giá ca máy do Bộ Xây dựng công bố để xác định giá ca máy và thiết bị thi công trên địa bàn. Thời điểm công bố giá ca máy và thiết bị thi công theo năm là trước ngày 15 tháng một năm sau. Kinh phí cho việc khảo sát, thu thập thông tin được bố trí từ nguồn ngân sách.

4. Các cơ sở sản xuất, khai thác, đơn vị cung ứng vật liệu xây dựng, sử dụng nhân công xây dựng; doanh nghiệp kinh doanh cung cấp, cho thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn; các chủ đầu tư, nhà thầu trúng thầu tại các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn có trách nhiệm cung cấp các thông tin về giá các yếu tố chi phí phục vụ Sở Xây dựng công bố giá theo khoản 1,2,3 Điều này.

Điều 8. Chỉ số giá xây dựng

1. Nội dung, phân loại, phương pháp xác định và quản lý, công bố chỉ số giá xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng

2. Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với Sở, Ban, Ngành, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện việc thu thập số liệu, tính toán và định kỳ công bố chỉ số giá xây dựng để làm cơ sở cho việc xác định, điều chỉnh tổng mức đầu tư, giá xây dựng công trình, dự toán xây dựng, giá hợp đồng xây dựng, quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Kinh phí thực hiện việc xác định và công bố chỉ số giá xây dựng được bố trí từ nguồn ngân sách.

3. Đối với các công trình chưa có trong danh mục chỉ số giá xây dựng do Sở Xây dựng công bố, công trình xây dựng theo tuyến đi qua địa bàn nhiều tỉnh, thành phố sử dụng chỉ số giá để điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thì chủ đầu tư (hoặc thuê tổ chức tư vấn có đủ điều kiện năng lực và kinh nghiệm) căn cứ vào phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng do Bộ Xây dựng hướng dẫn để tổ chức xác định chỉ số giá xây dựng và gửi hồ sơ về Sở Xây dựng thống nhất bằng văn bản trước khi báo cáo người quyết định đầu tư quyết định áp dụng.

Điều 9. Thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

1. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về lập hồ sơ đề nghị thanh toán với cơ quan cấp phát vốn đầu tư.

2. Cơ quan thanh toán vốn thực hiện việc công khai quy trình thanh toán, tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư và kiểm soát thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

3. Chủ đầu tư lập hồ sơ quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình theo quy định, gửi cơ quan chuyên môn về tài chính đầu tư của cấp quyết định đầu tư thẩm tra trước khi trình người quyết định đầu tư phê duyệt.

Mục 2. QUẢN LÝ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Điều 10. Hợp đồng xây dựng

1. Hợp đồng thực hiện các công việc trong đầu tư xây dựng công trình (gọi tắt là hợp đồng xây dựng) được xác lập bằng văn bản thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu. Hợp đồng xây dựng là văn bản pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng.

2. Hợp đồng xây dựng được ký kết phải căn cứ vào hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, báo giá đối với gói thầu áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng; Dự toán gói thầu; Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu (Hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất khi chỉ định thầu) của nhà thầu được chọn còn hiệu lực và các văn bản khác có liên quan; Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; Kết quả thương thảo hợp đồng; thông tin về năng lực và tài chính của nhà thầu tại thời điểm ký kết hợp đồng phải đáp ứng đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

3. Trường hợp gói thầu xây lắp không thuộc diện gói thầu qui mô nhỏ nhưng có thời gian thi công dưới 12 tháng, chủ đầu tư lựa chọn hình thức hợp đồng trọn gói hoặc hình thức hợp đồng theo đơn giá cố định trong kế hoạch đấu thầu trình người có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 11. Giá hợp đồng xây dựng

1. Trong hợp đồng xây dựng, căn cứ kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và điều kiện cụ thể của gói thầu xác định hình thức giá hợp đồng phù hợp; thỏa thuận về nguyên tắc điều chỉnh giá hợp đồng phù hợp với từng hình thức giá hợp đồng, bao gồm: Các trường hợp được điều chỉnh giá, thủ tục, trình tự, thời gian, phạm vi, điều kiện điều chỉnh, phương pháp và căn cứ điều chỉnh giá hợp đồng.

2. Giá hợp đồng xây dựng không được vượt giá trúng thầu được duyệt (đối với trường hợp đấu thầu), không được vượt dự toán gói thầu (đối với trường hợp chỉ định thầu) trừ trường hợp khối lượng phát sinh ngoài gói thầu được người quyết định đầu tư cho phép.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng và hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh.

b) Thẩm định các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá công trình đối với các công việc đặc thù chuyên ngành của ngành trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố. Thống nhất với chủ đầu tư bằng văn bản về các định mức mới, định mức điều chỉnh, đơn giá mới, đơn giá điều chỉnh và các loại đơn giá vật liệu xây dựng khác do các chủ đầu tư đề nghị.

c) Chủ trì phối hợp với các ngành liên quan tính toán, xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành các bộ đơn giá xây dựng công trình

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính công bố liên Sở giá vật liệu xây dựng tại cơ sở sản xuất, khai thác, cửa hàng, đại lý, cơ sở cung ứng vật liệu tại trung tâm các huyện, thành phố.

đ) Tổ chức xây dựng và công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng, chỉ số giá xây dựng. Thống nhất với chủ đầu tư bằng văn bản về các chỉ số giá dùng để điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 8 Quy định này.

e) Tổ chức hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng trên địa bàn tỉnh.

f) Hàng năm gửi những định mức đã xây dựng và đơn giá đã công bố trong năm về Bộ Xây dựng theo dõi, quản lý.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng hàng quý; phối hợp khảo sát, xây dựng giá nhân công xây dựng và hướng dẫn điều chỉnh dự toán khi nhà nước thay đổi chế độ tiền lương.

b) Hướng dẫn và kiểm tra công tác thanh toán vốn đầu tư, chi phí quản lý dự án đầu tư xây dựng và quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án sử dụng nguồn vốn nhà nước đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Giao thông Vận tải

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập biểu cước vận chuyển hàng hóa trên địa bàn tỉnh và mức điều chỉnh cước khi có biến động về giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố làm cơ sở xác định giá vật liệu đến chân công trình.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Phối hợp với Sở Xây dựng khảo sát, xây dựng giá nhân công xây dựng và hướng dẫn điều chỉnh dự toán khi nhà nước thay đổi chế độ tiền lương.

b) Hướng dẫn và giải quyết vướng mắc các vấn đề có liên quan đến chế độ tiền lương của người lao động.

5. Các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Giao thông Vận tải, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

a) Tổng hợp, xây dựng các định mức xây dựng, đơn giá công trình đối với các công việc đặc thù thuộc chuyên ngành quản lý trên địa bàn gửi Sở Xây dựng thẩm định, trình Ủy ban nhân dân theo quy định.

b) Kiểm tra việc thực hiện các qui định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các công trình chuyên ngành đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp cung cấp hồ sơ, tài liệu đối với những vật liệu xây dựng đặc thù do ngành quản lý.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, Ngành có liên quan hướng dẫn và giải quyết vướng mắc các vấn đề có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thuộc chuyên ngành quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Phối hợp với Sở Xây dựng và các Sở, Ngành khác thực hiện việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng điều tra, khảo sát giá nhân công xây dựng, giá vật liệu xây dựng hàng quý trên địa bàn quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Tổ chức xác định các định mức đặc thù chưa được Bộ Xây dựng công bố, gửi về Sở Xây dựng thẩm định, công bố theo quy định.

2. Tổ chức xác định, tính toán, điều chỉnh cho phù hợp đối với những công tác xây dựng chưa có trong hệ thống định mức dự toán xây dựng đã được công bố hoặc đã có nhưng không phù hợp với điều kiện thực tế thi công hoặc yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công công trình và gửi về Sở Xây dựng để thống nhất trước khi quyết định áp dụng.

3. Tổ chức xác định các chỉ số giá dùng để điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng đối với các trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 8 Quy định này và gửi về Sở Xây dựng để thống nhất trước khi báo cáo người quyết định đầu tư quyết định áp dụng.

4. Tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng về giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng chưa có trong Bảng giá ca máy và thiết bị thi công công trình công bố hoặc có trong Bảng giá ca máy và thiết bị thi công công trình công bố nhưng chưa phù hợp do chủ đầu tư quyết định áp dụng trong công trình.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, vật tư, máy, thiết bị xây dựng

1. Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan trong việc điều tra, khảo sát giá vật liệu xây dựng, vật tư, máy, thiết bị xây dựng.

2. Chấp hành việc kê khai, đăng ký, niêm yết giá theo quy định của pháp luật.

3. Khi có thay đổi về giá bán sản phẩm, gửi quyết định, báo cáo về Sở Xây dựng để công bố, quản lý và theo dõi.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Xử lý chuyển tiếp

1. Các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt và đang triển khai thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định về quản lý chi phí tại thời điểm phê duyệt dự án. Trường hợp cần thiết phải thực hiện theo quy định tại Quy định này thì chủ đầu tư báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

2. Các dự án đầu tư chưa thực hiện hoặc đang được thẩm định thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, vấn đề phát sinh hoặc nội dung không còn phù hợp theo quy định thì các tổ chức và cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp./.